

Số: ~~1034~~/KH-SNV

Quảng Bình, ngày 11 tháng 7 năm 2017

**KẾ HOẠCH**  
**XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC NĂM 2017**

Căn cứ Thông tư số 12/2012/TT/BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và các quy định, hướng dẫn có liên quan; Sở Nội vụ xây dựng kế hoạch thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức theo các nội dung chính như sau:

**I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

1. Luật Viên chức ngày 15/11/2010;
2. Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ, về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
3. Thông tư số 12/2012/TT/BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
4. Thông tư số 02/2007/TT-BNV ngày 25/5/2007 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn xếp lương khi nâng ngạch, chuyển ngạch, chuyển loại công chức, viên chức;
5. Thông tư số 08/2015/TT-BNV ngày 28/12/2015 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn thời gian tập sự, bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ;
6. Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.
7. Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.
8. Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 15/7/2015 của UBND tỉnh Quảng Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình;
9. Công văn số 559/SNV-CCVC ngày 08/5/2013 của Sở Nội vụ, hướng dẫn thực hiện một số nội dung về tuyển dụng, thay đổi chức danh nghề nghiệp, đào tạo, bồi dưỡng viên chức theo Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh; Công văn số 2116/SNV-CCVC ngày 27/11/2013 của Sở Nội vụ, hướng dẫn một số nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

## II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Thực trạng số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp đối với viên chức:

- Hiện nay, Sở Nội vụ có 29 viên chức; trong đó, có 20 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng III và 9 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV (có biểu số 01 đính kèm);

- Trong 9 viên chức giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV có 06 viên chức đủ tiêu chuẩn, điều kiện, được cơ quan, đơn vị đề nghị đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên hạng III (có biểu số 03 đính kèm).

### 2. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp

a) Hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời gian công tác 03 năm liên tục gần nhất; có phẩm chất và đạo đức nghề nghiệp; không trong thời gian thi hành kỷ luật hoặc đã có thông báo về việc xem xét kỷ luật của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền;

b) Có đủ trình độ đào tạo, bồi dưỡng và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của chức danh nghề nghiệp hạng III; cụ thể:

+ Tốt nghiệp đại học các chuyên ngành phù hợp với vị trí việc làm đang đảm nhiệm của viên chức;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ, tin học trình độ B trở lên (hoặc tương đương);

+ Có chứng chỉ khác theo yêu cầu vị trí việc làm;

c) Đáp ứng các yêu cầu khác do Bộ quản lý chuyên ngành quy định;

### 3. Hồ sơ đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

a) Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (theo mẫu);

b) Bản sơ yếu lý lịch của viên chức (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ) có xác nhận của cơ quan sử dụng hoặc quản lý viên chức;

c) Bản nhận xét, đánh giá của người đứng đầu cơ quan sử dụng viên chức đối với viên chức không giữ chức vụ quản lý hoặc của người đứng đầu cơ quan, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm viên chức quản lý đối với viên chức quản lý (đầy đủ các nội dung quy định tại điểm a, khoản 2 Mục II Kế hoạch này);

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp viên chức đăng ký dự xét được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

đ) Các yêu cầu khác theo quy định về tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp mà viên chức dự xét thăng hạng;

e) Quyết định tuyển dụng hoặc công nhận kết quả tuyển dụng viên chức; quyết định lương hiện hưởng;

g) Lệ phí xét thăng hạng (hạng III): 700.000 đồng/người đăng ký.

#### **4. Hình thức, nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp**

##### **4.1. Hình thức:**

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp thông qua hình thức phỏng vấn.

##### **4.2. Nội dung xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức:**

###### **a) *Phân kiến thức chung:*** Gồm nội dung trong các văn bản sau:

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;
- Luật Viên chức năm 2010;
- Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ, về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;
- Nghị định số 27/2012/NĐ-CP ngày 06/4/2012 của Chính phủ quy định về xử lý kỷ luật viên chức và trách nhiệm bồi thường viên chức;
- Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương;
- Chỉ thị số 19-CT/TU ngày 17/01/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chấn chỉnh và tăng cường kỷ luật, xiết chặt kỷ cương hành chính trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và lực lượng vũ trang tỉnh.

###### **b) *Phân chuyên môn, nghiệp vụ:***

- *Đối với lĩnh vực kế toán: Kế toán viên (Hạng III)*
  - + Luật Kế toán ngày 20/11/2015;
  - + Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều của Luật Kế toán;
  - + Thông tư số 59/2015/TT-BLĐTBXH ngày 29/12/2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về Bảo hiểm xã hội bắt buộc.
- *Đối với lĩnh vực văn thư - Lưu trữ: Lưu trữ viên (hạng III)*
  - + Luật Lưu trữ năm 2011;
  - + Nghị định số 110/2004/NĐ-CP ngày 08/4/2004 của Chính phủ, về công tác văn thư; Nghị định số 01/2013/NĐ-CP ngày 03/01/2013 của Chính phủ, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lưu trữ;
  - + Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 31/10/2014 của Bộ Nội vụ, quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ;
  - + Thông tư số 07/2012/TT-BNV ngày 22/11/2012 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn quản lý văn bản, lập hồ sơ và nộp hồ sơ, tài liệu lưu trữ cơ quan.
  - + Thông tư số 16/2014/TT-BNV ngày 20/11/2014 của Bộ Nội vụ, hướng dẫn giao, nhận tài liệu lưu trữ vào Lưu trữ lịch sử các cấp.

## 5. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

- Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được thực hiện theo Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

- Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải có số điểm phỏng vấn đạt từ 55 điểm trở lên, bài phỏng vấn được chấm theo thang điểm 100.

### III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Văn phòng Sở tham mưu Giám đốc Sở các nội dung sau:

- Kiểm tra hồ sơ, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, bảo đảm quy định hiện hành;

- Xây dựng, ban hành Quy chế xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp;

- Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng;

- Lập dự trù kinh phí tổ chức xét thăng hạng theo đúng quy định.

- Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tài liệu có liên quan; tham mưu, tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định; tổng hợp kết quả thực hiện, báo cáo Giám đốc Sở;

2. Thủ trưởng các đơn vị có viên chức đăng ký xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, sắp xếp tạo điều kiện để viên chức chuẩn bị đầy đủ các nội dung, tham dự xét thăng hạng đạt kết quả;

3. Các cá nhân tham dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp có trách nhiệm chuẩn bị, nghiên cứu đầy đủ các tài liệu có quan để tham gia xét thăng hạng; hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định; chấp hành tốt nội quy, quy chế và các quy định có liên quan về thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

Trên đây là Kế hoạch thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình; trong quá trình thực hiện, nếu có nội dung phát sinh, vướng mắc thì điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp; yêu cầu các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Kế hoạch thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- Lãnh đạo Sở;
- Các đơn vị có viên chức thăng hạng;
- Lưu: HĐ xét thăng hạng.



GIÁM ĐỐC

Trần Đình Dinh



## TỔNG HỢP

Số lượng, cơ cấu chức danh nghề viên chức hiện có  
và số lượng chỉ tiêu thăng hạng chức danh nghề nghiệp năm 2017  
(Kèm theo Kế hoạch số 1034/KH-SNV ngày 11 / 7 /2017 của Sở Nội vụ)

TT	Đơn vị	Tổng số viên chức hiện có	Số lượng, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức hiện có				Đề nghị số lượng chỉ tiêu thăng hạng của từng hạng viên chức				Ghi chú
			Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	
1	Văn phòng Sở	5			3	2			2		
2	Ban Thi đua - Khen thưởng	3			3						
3	Chi cục VTLT	3			3				1		
4	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	18			11	7			3		03 BCSN tự bảo đảm KPHĐ
<b>TỔNG</b>		<b>29</b>			<b>20</b>	<b>9</b>			<b>6</b>		

*Carb*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH**  
**VIÊN CHỨC ĐỦ ĐIỀU KIỆN XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP**  
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số 1034/KH-SNV ngày 11/7/2017 của Sở Nội vụ)

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức vụ, chức danh đang đảm nhiệm	Cơ quan làm việc	Thời gian giữ hạng (kể cả thời gian giữ ngạch hoặc hạng tương đương)	Mức lương hiện hưởng		Văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu hạng viên chức				Chức danh xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp	Ghi chú
						Hệ số lương	Mã số ngạch, hạng chức danh nghề nghiệp	Chuyên môn	QL NN	Tin học	Ngoại ngữ		
1	Đoàn Thị Kim Na	11/11/1979	KTV TC 06.032 Hạng IV	Kế toán Văn phòng Sở	06 năm (Tuyển dụng viên chức 7/2011)	3,66	06.032	- CN: Kế toán - Trc: Kế toán	CV	B	Anh B	Kế toán viên Hạng III 06.031	Cử nhân Luật Kinh tế
2	Trần Thị Quỳnh Nga	10/8/1988	LTV TC Hạng IV 02.015	Văn thư- Lưu trữ Văn phòng Sở	04 năm (Tuyển dụng viên chức 5/2013)	2,26	02.015	- Trc: HC-VT - Cử nhân Luật Kinh tế		VP	Anh B	Lưu trữ viên Hạng III V.01.02.02	
3	Lê Thị Thiết	10/6/1975	LTV CĐ Hạng III 02a.014	Văn thư - Lưu trữ Chi cục VTLT	03 năm Tuyển dụng viên chức 6/2014)	2,72	02a.014	CĐ: Văn thư - LT ĐH: Quản trị văn phòng		KTV	Anh B	Lưu trữ viên hạng III V.01.02.02	
4	Trần Thị Như Giang	23/11/1980	Lưu trữ viên TC	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	08 năm	2,46	02.015	ĐH: Lưu trữ học và QT VP		B	Anh B	Lưu trữ viên hạng III V.01.02.02	
5	Hoàng Thị Quỳnh Lưu	12/12/1981	Lưu trữ viên TC	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	07 năm	2,26	02.015	- Cử nhân Lịch sử, - Sơ cấp nghề VTLT		B	Anh B	Lưu trữ viên hạng III V.01.02.02	
6	Nguyễn Thị Phương	11/12/1983	Lưu trữ viên TC	Trung tâm Lưu trữ lịch sử	08 năm	2,46	02/015	- Cử nhân Lưu trữ học và QTVP		B	Anh B	Lưu trữ viên hạng III V.01.02.02	

*Handwritten signature*